



ISO 9001 : 2008

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NHỰA
TAI JAAN (VIỆT NAM)**

Địa chỉ: Đường D9 - KCN Mỹ Phước - Bến Cát - Bình Dương



GIỚI THIỆU CHUNG



Công ty TNHH Công Nghiệp Nhựa TAI JAAN (Việt Nam) được thành lập và đi vào hoạt động vào tháng 06 năm 2004, là công ty chuyên sản xuất các sản phẩm van khóa nhựa và các loại phụ kiện vật tư cho ngành cấp thoát nước chất lượng hàng đầu tại Việt Nam.

Để cùng hòa nhập với sự phát triển của nền kinh tế trong nước và thế giới, cũng như tính cạnh tranh ngày càng cao của sản phẩm trên thị trường, công ty chúng tôi luôn đầu tư những trang thiết bị hiện đại, cùng với quản lý sản xuất chuyên nghiệp, đội ngũ kỹ thuật lành nghề, công ty TAI JAAN chúng tôi luôn mang đến những sản phẩm có chất lượng cao, với hệ thống kênh phân phối trải rộng trên toàn quốc và nước ngoài, tiến độ giao hàng đảm bảo, giá thành hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của quý khách hàng.

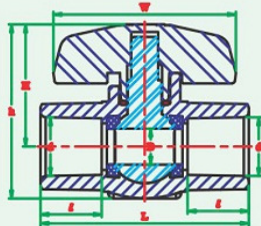
Thế mạnh làm nên thương hiệu TAI JAAN của công ty chúng tôi khác biệt chính là: Sự chuyên môn hóa trong từng bộ phận, tính trách nhiệm cao, nhằm tạo nên những sản phẩm hoàn thiện đến từng chi tiết nhỏ nhất. Ngoài ra các bộ phận thường xuyên trao đổi công việc, chia sẻ những khó khăn, sáng kiến để xây dựng nên một TAI JAAN năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp hơn trong từng sản phẩm mang thương hiệu TAI JAAN, cũng như các dịch vụ sau bán hàng nhằm mang lại chất lượng phục vụ tốt nhất tới các quý khách hàng trong và ngoài nước.

Với phương châm "**Cống Hiến - Đổi mới - Chất Lượng - Trách Nhiệm**", và định hướng liên tục cải tiến, TAI JAAN đã luôn nỗ lực cả về nhân lực, vật lực, xây dựng uy tín thương hiệu, niềm tin với khách hàng trong từng sản phẩm mà chúng tôi cung cấp.

Với những định hướng trên, công ty TAI JAAN cam kết luôn cải tiến và hoàn thiện chất lượng để thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của quý khách hàng.

Trân trọng kính chào...!



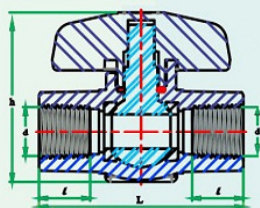


I. VAN TAY NHỰA CAM (AB)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	l	L	h	H	W
AB1104	Ø 21 - (1/2")	15	23.5	80	65	45	70
AB1106	Ø 27 - (3/4")	20	26.5	90	74	51	80
AB1110	Ø 34 - (1")	25	30.5	105	85	57	93.5
AB1112	Ø 42 - (1 1/4")	32	32.5	119	101	68	103
AB1115	Ø 49 - (1 1/2")	39	39	138	114	76	118.5
AB1120	Ø 60 - (2")	48	42.5	158	139.5	87	139

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.

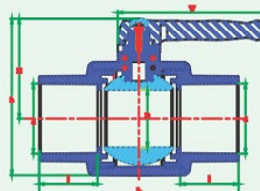


II. VAN TAY NHỰA CAM RĂNG (AB-R)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	l	L	h	H	W
AB1104-R	Ø 21 - (1/2")	15	23.5	80	65	45	70
AB1106-R	Ø 27 - (3/4")	20	26.5	90	74	51	80
AB1110-R	Ø 34 - (1")	25	30.5	105	85	57	93.5
AB1112-R	Ø 42 - (1 1/4")	32	32.5	119	101	68	103
AB1115-R	Ø 49 - (1 1/2")	39	39	138	114	76	118.5
AB1120-R	Ø 60 - (2")	48	42.5	158	139.5	87	139

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.



KIỂU DÁNG
MỚI

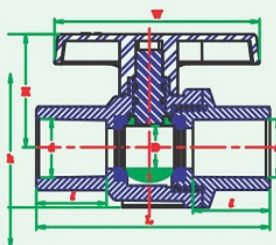
III. VAN TAY NHỰA CAM (KÍCH THƯỚC LỚN AGB)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	l	L	h	H	W
AGB1125	Ø76 2" 1/2	65	76	236	190	120	190
AGB1130	Ø90 3"	80	66	298	204	131	190
AGB1140	Ø114 4"	100					
AGB1150	Ø140 5"	100					

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.



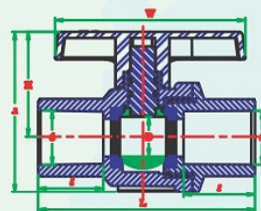


IV. VAN TAY NHỰA TRẮNG (AF)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	l	L	h	H	W
AF1104	Ø 21 - (1/2")	15	26	86	65	44	76
AF1106	Ø 27 - (3/4")	20	32	99	75	48	86
AF1110	Ø 34 - (1")	25	35	114	90	60	99
AF1112	Ø 42 - (1 1/4")	32	38	131	105	64	114.5
AF1115	Ø 49 - (1 1/2")	40	44	152	115.5	73	133
AF1120	Ø 60 - (2")	50	45	166	133	82	147.5

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.

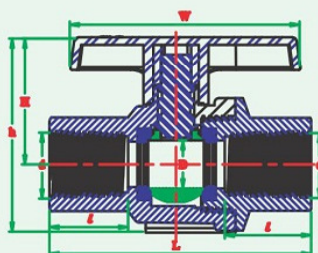


V. VAN TAY NHỰA ĐỎ (AG)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	l	L	h	H	W
AG1104	Ø 21 - (1/2")	15	26	86	65	44	76
AG1106	Ø 27 - (3/4")	20	32	99	75	48	86
AG1110	Ø 34 - (1")	25	35	114	90	60	99
AG1112	Ø 42 - (1 1/4")	32	38	131	105	64	114.5
AG1115	Ø 49 - (1 1/2")	40	44	152	115.5	73	133
AG1120	Ø 60 - (2")	50	45	166	133	82	147.5

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.



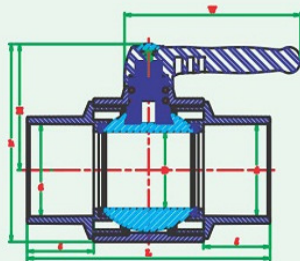
VI. VAN TAY NHỰA ĐỎ RĂNG (AG-R)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	l	L	h	H	W
AG1104-R	Ø 21 - (1/2")	15	26	86	65	44	76
AG1106-R	Ø 27 - (3/4")	20	32	99	75	48	86
AG1110-R	Ø 34 - (1")	25	35	114	90	60	99
AG1112-R	Ø 42 - (1 1/4")	32	38	131	105	64	114.5
AG1115-R	Ø 49 - (1 1/2")	40	44	152	115.5	73	133
AG1120-R	Ø 60 - (2")	50	45	166	133	82	147.5

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.



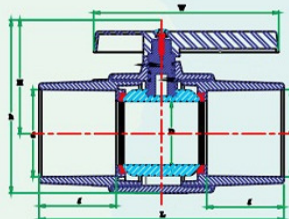


VII. VAN TAY NHỰA ĐỎ (KÍCH THƯỚC LỚN AG)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	L	L	h	H	W
AG1125	Ø 76 - (2.5")	65	58	210	180	115	190
AG1130	Ø 90 - (3")	75	72	255	200	125	190
AG1140	Ø 114 - (4")	95	82	300	245	150	215
AG1150	Ø 140 - (5")	95	92	325	245	150	215

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao. (Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.

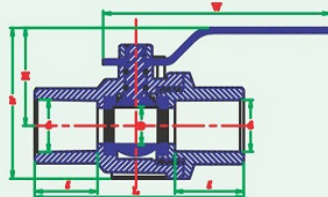


VIII. VAN TAY NHỰA ĐỎ (KÍCH THƯỚC 168MM)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	L	L	h	H	W
AG1160-BS	Ø168 (6")	125	148.5	472	316	200	356.5
AG1160-BN	Ø160 (6")	125	148.5	472	316	200	356.5

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống nước công nghiệp và đường ống có kích thước lớn.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao. (Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.



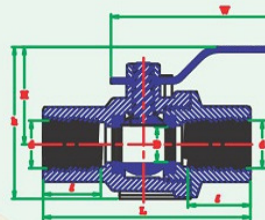
IX. VAN TAY INOX CẦU NHỰA (BF)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	L	L	h	H	W
BF2104	Ø 21 - (1/2")	15	26	86	64.5	41	94
BF2106	Ø 27 - (3/4")	20	32	99	72	45	94
BF2110	Ø 34 - (1")	25	35	114	84	54	94
BF2112	Ø 42 - (1 1/4")	32	38	131	110	72	138
BF2115	Ø 49 - (1 1/2")	40	44	152	120	80	138
BF2120	Ø 60 - (2")	50	45	166	137	88	138

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao. (Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.



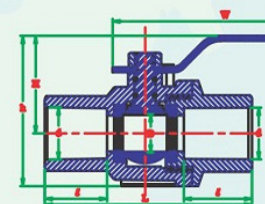


X. VAN TAY INOX CẦU NHỰA RĂNG (BF-R)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	l	L	h	H	W
BF2104-R	Ø 21 - (PT1/2")	15	26	86	64.5	41	94
BF2106-R	Ø 27 - (PT3/4")	20	32	99	72	45	94
BF2110-R	Ø 34 - (PT1")	25	35	114	84	54	94
BF2112-R	Ø 42 - (PT1 1/4")	32	38	131	110	72	138
BF2115-R	Ø 49 - (PT1 1/2")	40	44	152	120	80	138
BF2120-R	Ø 60 - (PT2")	50	45	166	137	88	138

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.

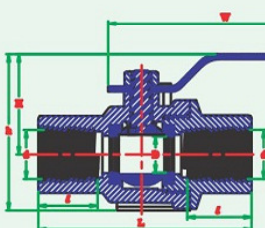


XI. VAN TAY INOX CẦU XI (BX)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	l	L	h	H	W
BX2104	Ø 21 - (1/2")	15	26	86	64.5	41	94
BX2106	Ø 27 - (3/4")	20	32	99	72	45	94
BX2110	Ø 34 - (1")	25	35	114	84	54	94
BX2112	Ø 42 - (1 1/4")	32	38	131	110	72	138
BX2115	Ø 49 - (1 1/2")	40	44	152	120	80	138
BX2120	Ø 60 - (2")	50	45	166	137	88	138
BX2130	Ø 90 - (3")	75	71	254	186	116	206

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.



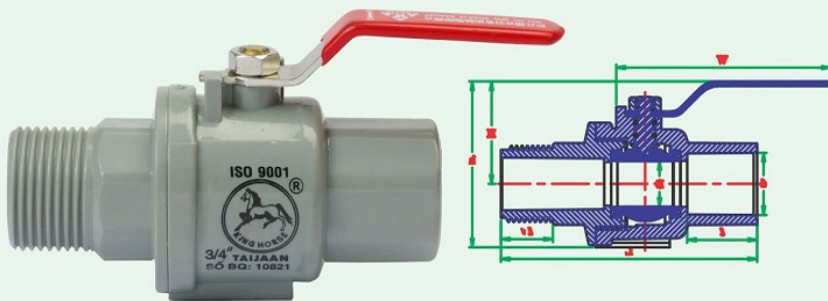
XII. VAN TAY INOX CẦU XI RĂNG (BX-R)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	l	L	h	H	W
BX2104-R	Ø 21 - (PT1/2")	15	26	86	64.5	41	94
BX2106-R	Ø 27 - (PT3/4")	20	32	99	72	45	94
BX2110-R	Ø 34 - (PT1")	25	35	114	84	54	94
BX2112-R	Ø 42 - (PT1 1/4")	32	38	131	110	72	138
BX2115-R	Ø 49 - (PT1 1/2")	40	44	152	120	80	138
BX2120-R	Ø 60 - (PT2")	50	45	166	137	88	138

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.



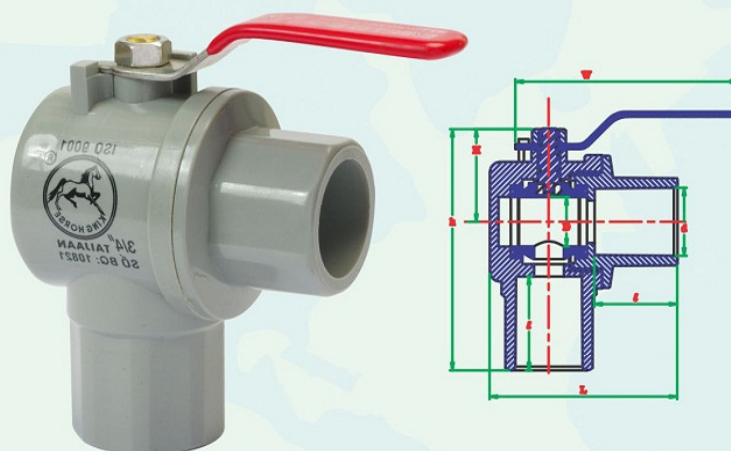


XIII. VAN TAY INOX CẦU XI RĂNG NGOÀI (GX)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	L	L	h	H	W
GX2104	Ø 21 - (1/2")	PT1/2" W14	26	98	64.5	41	94
GX2106	Ø 27 - (3/4")	PT3/4" W11	32	109	72	45	94
GX2110	Ø 34 - (1")	PT1" W11	35	124	84	54	94

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.

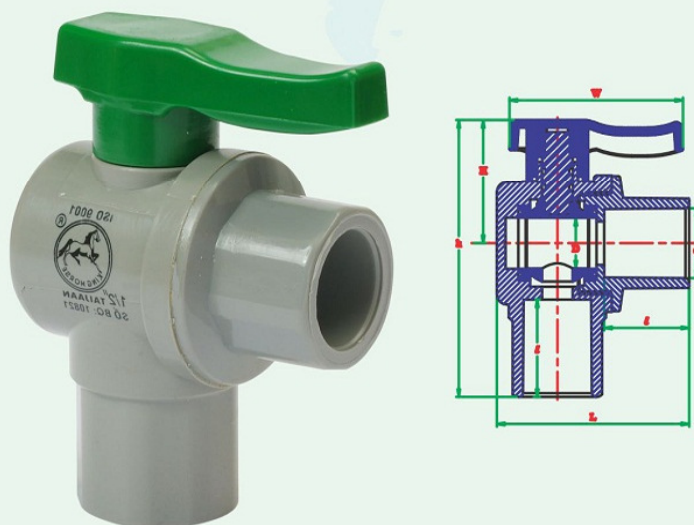


XIV. VAN CƠ TAY INOX (CX)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	L	L	h	H	W
CX2104	Ø 21 - (1/2")	15	28	66	92	41	94
CX2106	Ø 27 - (3/4")	20	33	75	102	45	94

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.



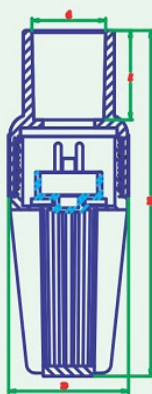
XV. VAN CƠ TAY NHỰA (XANH LÁ - CK)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
	KÍCH THƯỚC	D	L	L	h	H	W
CK1104	Ø 21 - (1/2")	15	28	66	93	44	68
CK1106	Ø 27 - (3/4")	20	33.5	75.5	107	49	68

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng cho hệ thống sinh hoạt nước dân dụng và tưới tiêu cây trồng.
- 1.2 - Tránh lắp đặt nơi có nhiệt độ cao.(Nhiệt độ cho phép từ 0° - 60°C).
- 1.3 - Tránh dán keo dính vào cầu van.



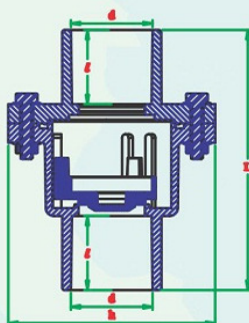


XVI. LUPPE GIẾNG (E)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM				
	KÍCH THƯỚC	D	d	l	H
E1106	Ø27 - (3/4")	55.5	27	35	153
E1110	Ø34 - (1")	55.5	34	41	160
E1112	Ø42 - (1 1/4")	55.5	42	41	160
E1115	Ø49 - (1 1/2")	79	49	64	220
E1120	Ø60 - (2")	79	60	64	220
E1125	Ø76 - (2 1/2")	130	76	67	250
E1130	Ø90 - (3")	141	90	77	275
E1140	Ø114 - (4")	215	114	93	352
E1150	Ø140 - (5")	256	140	100	430
ES1104	Ø21 - (1/2")	35.5	21	29	116
ES1106	Ø27 - (3/4")	35.5	27	29	116
ES1110	Ø34 - (1")	35.5	34	29	116

Hướng dẫn sử dụng:

1.1 - Dùng để lắp vào cabin máy bơm để hút nước từ giếng, ao, hồ.

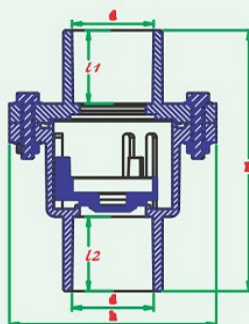


XVII. LUPPE ỐC (I)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM			
	KÍCH THƯỚC	l	L	h
I1106	Ø 27 - (3/4")	26	95	82
I1110	Ø 34 - (1")	30	104	82
I1112	Ø 42 - (1 1/4")	40	136	107
I1115	Ø 49 - (1 1/2")	43	145	117
I1120	Ø 60 - (2")	50	156	119
I1125	Ø 76 - (2 1/2")	57	212	150
I1130	Ø 90 - (3")	80	267	185
I1140	Ø 114 - (4")	90	315	215
I1150	Ø 140 - (5")	122	365	256

Hướng dẫn sử dụng:

1.1 - Dùng để lắp trực tiếp vào miệng của giếng khoan.



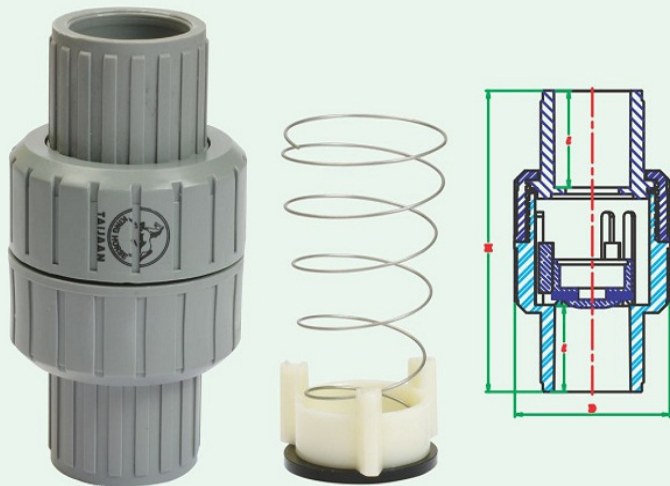
XVIII. LUPPE ỐC GIẢM (I)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM				
	KÍCH THƯỚC	l1	l2	L	h
I1215	Ø42-Ø49 (1 1/4" - 1 1/2")	35	46	143	107
I1520	Ø49-Ø60 (1 1/2" - 2")	50	50	156	119

Hướng dẫn sử dụng:

1.1 - Dùng để lắp trực tiếp vào miệng của giếng khoan.





XIX. LUPPE MỘT CHIỀU LÒ XO (D)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM				
	KÍCH THƯỚC	D	d	l	H
D1104	Ø 21 - (1/2")	52	21	28	93
D1106	Ø 27 - (3/4")	58	27	30	103
D1110	Ø 34 - (1")	68	34	38	131
D1112	Ø 42 - (1 1/4")	75	42	41	152
D1115	Ø 49 - (1 1/2")	90	49	48	167
D1120	Ø 60 - (2")	96	60	50	180
D1125	Ø 76 - (2 1/2")	130	76	67	221
D1130	Ø 90 - (3")	141	90	77	247

Hướng dẫn sử dụng:

1.1 - Dùng để nối những đường ống truyền nước lên cao phải dùng bơm đẩy, để giữ được nước không bị hụt trong quá trình bơm nước lên cao.



XX. RACO (F)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM			
	KÍCH THƯỚC	D	l	H
F1104	Ø 21 - (1/2")	52	27	60
F1106	Ø 27 - (3/4")	57	28	62
F1110	Ø 34 - (1")	67	30	76
F1112	Ø 42 - (1 1/4")	75	37	83
F1115	Ø 49 - (1 1/2")	90	45	95
F1120	Ø 60 - (2")	96	47	102
F1125	Ø 76 - (2 1/2")	140	56.5	141
F1130	Ø 90 - (3")	157	60	155
F1140	Ø 114 - (4")	207	87	197

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng để nối đường ống ở những nơi chật hẹp, khó xoay sở không thể dùng dây thun cột lại được.
- 1.2 - Dùng ở vị trí đường ống thường xuyên phải tháo lắp sửa chữa, như máy bơm nước lắp với đường ống nhựa.



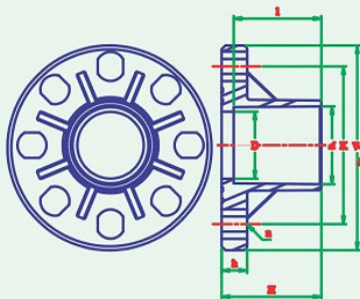
XXI. ĐẦU NỐI THÔNG SÀN (JA)

MÃ HÀNG	QUY CÁCH SẢN PHẨM					
	KÍCH THƯỚC	d	W	l1	l2	L
JA15	Ø49 - (1 1/2")	4	4	45	45	115
JA20	Ø60 - (2")	4	5	45	45	115
JA20-L	Ø60 - (2")	4	5	55	130	220
JA30	Ø90 - (3")	4	5	45	45	115
JA40	Ø114 - (4")	4	5	45	45	115
JA40-L	Ø114 - (4")	4	5	55	130	220

Hướng dẫn sử dụng:

- 1.1 - Dùng để nối đường ống thoát nước lababo, ống thoát nước rác, nước bồn cầu qua sàn nhà (trong nhà vệ sinh).
- 1.2 - Dùng để nối đường ống thoát nước từ mái nhà qua sàn nhà (seno).



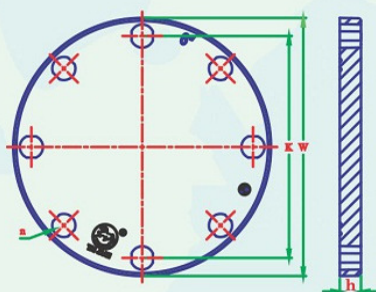


XXII. MẶT BÍCH (HA)

MÃ HÀNG	d QUY CÁCH đường kính danh nghĩa	QUY CÁCH SẢN PHẨM						
		D	L	h	H	W	K	n
HA04	Ø21 1/2"	18	41	14	45	94	71	4
HA06	Ø27 3/4"	20	41	14	45	99	71	4
HA10	Ø34 1"	25	46	14	50	123	91	4
HA12	Ø42 1 1/4"	35	53	16	58	133	100	4
HA15	Ø49 1 1/2"	40	63	16	68	140	105	4
HA20	Ø60 2"	50	66	20	75	153	123	4
HA25	Ø76 2 1/2"	65	75	20	83	175	140	4
HA30	Ø90 3"	80	80	20	86	200	155	8
HA40	Ø114 4"	103	95	20	107	210	178	8
HA50	Ø140 5"	127	112	21	120	250	215	8
HA60	Ø168 6"	144	128	21	140	278	240	8

Hướng dẫn sử dụng :

1.1 - Dùng để nối đường ống và van khóa nước đối với các đường ống có áp lực cao.



SẢN PHẨM
MỚI

XXIII. MẶT BÍCH MÙ (HB)

MÃ HÀNG	d QUY CÁCH đường kính danh nghĩa	QUY CÁCH SẢN PHẨM			
		h	W	K	n
HB04	Ø21 1/2"	14	94	71	4
HB06	Ø27 3/4"	14	99	71	4
HB10	Ø34 1"	14	123	91	4
HB12	Ø42 1 1/4"	16	133	100	4
HB15	Ø49 1 1/2"	16	140	105	4
HB20	Ø60 2"	20	153	123	4
HB25	Ø76 2 1/2"	20	175	140	4
HB30	Ø90 3"	20	200	155	8
HB40	Ø114 4"	20	210	178	8
HB50	Ø140 5"	21	250	215	8
HB60	Ø168 6"	21	278	240	8

Hướng dẫn sử dụng:

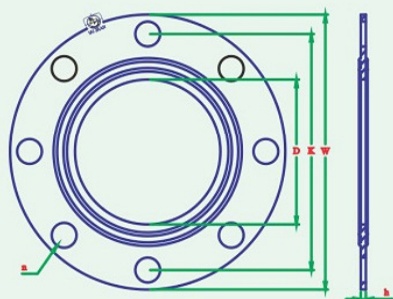
1.1 - Dùng để bích hệ thống đường ống có sử dụng mặt bích.

XXIV. ĐỆM CAO SU (HD)

MÃ HÀNG	KÍCH THƯỚC	QUY CÁCH SẢN PHẨM				
		D	h	W	K	n
HD04	Ø21 (1/2")	18	3.8	94	71	4
HD06	Ø27 (3/4")	20	3.8	99	71	4
HD10	Ø34 (1")	25	4	123	91	4
HD12	Ø42 (1 1/4")	35	4	133	100	4
HD15	Ø49 (1 1/2")	40	4	140	105	4
HD20	Ø60 (2")	50	4	153	123	4
HD25	Ø76 (2 1/2")	65	4	175	140	4
HD30	Ø90 (3")	80	4	200	155	8
HD40	Ø114 (4")	103	5	210	178	8
HD50	Ø140 (5")	127	5	250	215	8
HD60	Ø168 (6")	144	5	278	240	8

Hướng dẫn sử dụng:

1.1 - Dùng để đệm giữa hai đầu mặt bích để chống rò rỉ nước.



SẢN PHẨM
MỚI





ISO 9001 : 2008

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NHỰA TAI JAAN (VIỆT NAM)

TRỤ SỞ CHÍNH

Address: Lô M-1a -CN đường D9, KCN Mỹ Phước, TX.Bến Cát, T.Bình Dương
Tel: (+84)650. 3567 222 / 223 / 224 Fax: (+84)650. 3567 225
Email: taijaan.plastic@gmail.com Website : taijaanplastic-vn.com

CHI NHÁNH

Address: Thôn An Chiểu 2, Xã Liên Phương, TP Hưng Yên, T. Hưng Yên
Tel : (+84)321. 3511 088 Fax: (+84)321. 3511 089
Email: hieu.taijaanplastic@gmail.com Website : taijaanplastic-vn.com